

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Thứ hai, ngày 30 tháng 9 năm 2019

Vietnam Daily Review

Biến động phút cuối phiên

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 01/10/2019		•	
Tuần 30/9-4/10/2019		•	
Tháng 10/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trước thông tin tích cực về tăng trưởng GDP quý III đạt trên 7%, trong phiên sáng VN-Index đã bứt phá ấn tượng và chinh phục được ngưỡng tâm lý 1,000 điểm nhờ sự đồng thuận từ các mã bluechips trụ cột như VIC, GAS, VHM, NVL, CTG. Trong phiên chiều, chỉ số gặp rung lắc nhẹ và chính thức lùi xuống dưới mốc tham chiếu khi ngành Ngân hàng có diễn biến phân hóa với các mã VCB, BID, VPB chịu áp lực chốt lời mạnh. Thị trường có phiên giao dịch chịu nhiều biến động những phút cuối cùng với thanh khoản duy trì ở mức khả quan. Có thể thấy rằng mốc 1,000 điểm sẽ vẫn là ngưỡng kháng cự mạnh với VN-Index trong thời gian tới đây. **Nhà đầu tư có thể canh những nhịp điều chỉnh trong khu vực giá 990 – 1,000 điểm để mở vị thế tại những mã cổ phiếu ghi nhận KQKD quý III khả quan.**

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL có sự phân hóa về giá. VN30F1910 và VN30F2003 giảm, trong khi VN30F1911 và VN30F1912 tăng. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 900 điểm cho các hợp đồng dài hạn và 910 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 30/09/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm. REE đang giảm sau khi không vượt qua được mốc 40. Thanh khoản giữ ở mức tích cực, trong khi chỉ báo động lượng cho thấy tín hiệu giảm trong ngắn hạn. Điều chỉnh giảm của REE có thể tạo áp lực giảm lên giá chứng quyền của cổ phiếu này.

Danh mục i-Invest: Theme_Dầu khí_0.7%. 7/15 danh mục Chủ đề đều có hiệu suất trong ngày khả quan, trong đó có **11/15 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**(-0.1%). Đặc biệt, danh mục Dầu khí - kỳ vọng giá dầu hồi phục và các dự án lớn của ngành được triển khai - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.7%**.

Phân tích kỹ thuật: LDG_Hưng phấn (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **PC1, KDH, VNM, TCB**

Điểm nhấn

- VN-Index **-1.28 điểm**, đóng cửa 996.56. HNX-Index **+0.28 điểm**, đóng cửa 105.05.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+0.74); HVN (+0.34); BVH (+0.32); HDB (+0.32); NVL (+0.22).**
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-0.87); BID (-0.84); SAB (-0.54); MSN (-0.31); MWG (-0.24).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,335 tỷ đồng**, **-2.7%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 7.66 điểm. Thị trường có 146 mã tăng, 58 mã tham chiếu và 164 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **75.89 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VRE (34.88 tỷ), MSN (23.13 tỷ) và VHM (22.59 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **0.07 tỷ đồng**.

VN-INDEX

996.56

Giá trị: 3335.44 tỷ

-1.28 (-0.13%)

Khối ngoại (ròng): -75.89 tỷ

HNX-INDEX

105.05

Giá trị: 287.83 tỷ

0.28 (0.27%)

Khối ngoại (ròng): 0.0713 tỷ

UPCOM-INDEX

56.78

Giá trị: 225.76 tỷ

-0.16 (-0.28%)

Khối ngoại(ròng): 26.84 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	55.7	-0.47%
Giá vàng	1,487	-0.64%
Tỷ giá USD/VND	23,203	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	25,374	0.10%
Tỷ giá JPY/VND	21,498	-0.01%
LS liên NH 1 tháng	3.0%	5.61%
LS TPCP 5 năm	3.1%	-0.29%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	16.8	VRE	-34.9
HBC	16.3	MSN	-23.2
GAS	7.6	VHM	-22.6
CII	7.5	VCB	-8.9
VIC	6.0	POW	-8.6

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

✦ Bạn không có thời gian để đầu tư
 ✦ Bạn bán khoản với biến động thị trường
 ✦ Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

[Tìm hiểu thêm](#)

Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* 7/15 danh mục Chủ đề đều có hiệu suất trong ngày khả quan, trong đó có **11/15 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX** (-0.1%). Đặc biệt, danh mục Dầu khí - kỳ vọng giá dầu hồi phục và các dự án lớn của ngành được triển khai - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.7%**.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:

- **12/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**
- **5/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Dầu khí_0.7%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Dầu khí	0.7%	0.0%	-0.1%	-2.4%	-2.7%	-13.7%	10.9%
Vật liệu Xây dựng	0.7%	1.7%	1.0%	3.3%	2.6%	-4.4%	-0.4%
Xây dựng & Vật liệu XD	0.6%	2.0%	2.3%	0.6%	-5.1%	-13.1%	-8.9%
Chiến tranh thương mại	0.3%	1.8%	-3.2%	-5.3%	-2.6%	-3.3%	3.6%
Nước & Năng lượng	0.2%	0.9%	1.3%	-1.3%	2.0%	4.4%	58.6%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.0%	2.0%	-1.9%	-4.5%	0.7%	7.9%	45.6%
BĐS & Khu công nghiệp	0.0%	1.6%	0.2%	4.2%	2.9%	-1.3%	62.5%
Lãi suất giảm	-0.1%	2.2%	1.8%	-0.2%	-1.0%	-1.4%	51.1%
Xây dựng	-0.1%	2.9%	5.4%	4.0%	-5.7%	-11.3%	27.0%
Ngân hàng	-0.1%	2.3%	5.5%	14.6%	7.6%	0.0%	80.6%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.1%	2.6%	3.1%	-4.0%	-9.2%	-19.6%	44.3%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.3%	2.6%	3.9%	8.0%	7.8%	2.8%	70.7%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.3%	1.0%	1.3%	2.4%	-1.0%	1.3%	76.6%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.6%	1.4%	3.9%	11.4%	10.4%	0.6%	78.3%
Hàng tiêu dùng	-0.9%	0.3%	2.1%	8.0%	10.5%	5.0%	62.3%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 12	0.3%	0.9%	0.5%	2.5%	1.0%	3.3%	94.5%
Danh mục 18	0.2%	0.9%	0.4%	2.7%	1.2%	2.8%	87.8%
Danh mục 17	0.2%	2.0%	-0.3%	1.7%	-0.3%	7.8%	128.7%
Danh mục 16	-0.8%	2.4%	4.2%	9.2%	9.0%	3.3%	71.6%
Danh mục 1	-1.1%	1.5%	4.6%	12.4%	11.3%	3.7%	70.6%

* Note **12/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 25	-0.1%	3.0%	-1.0%	7.6%	10.1%	28.8%	178.3%
Danh mục 24	-0.1%	2.1%	4.0%	11.5%	12.0%	4.2%	67.4%
Danh mục 20	-0.3%	1.4%	-1.0%	2.6%	0.2%	1.9%	15.5%
Danh mục 23	-0.6%	1.0%	-1.3%	2.7%	-0.2%	4.4%	106.7%
Danh mục 19	-0.7%	2.1%	3.8%	10.9%	10.6%	9.2%	56.9%

* Note **5/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**

INDEX							
VNINDEX	-0.1%	1.1%	1.3%	3.6%	1.2%	-2.0%	45.3%
VN30INDEX	-0.2%	1.4%	3.4%	5.3%	2.1%	-7.2%	37.7%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

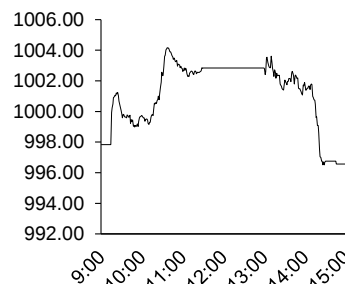
BSC RESEARCH

9/30/2019

Vietnam Daily Review

Hình 1

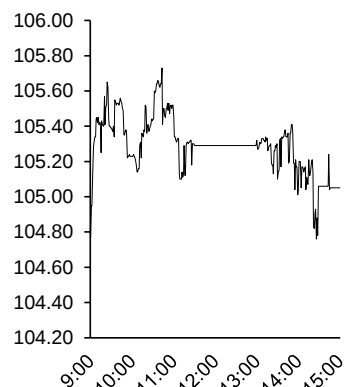
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bán lẻ	-1.4%
Công nghệ Thông tin	-0.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.7%
Thực phẩm và đồ uống	-0.6%
Truyền thông	-0.6%
Tài nguyên Cơ bản	-0.5%
Ngân hàng	-0.5%
Dịch vụ tài chính	-0.5%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.4%
Ô tô và phụ tùng	-0.2%
Dầu khí	-0.1%
Xây dựng và Vật liệu	-0.1%
Viễn thông	0.0%
Bất động sản	0.0%
Y tế	0.2%
Hóa chất	0.3%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.0%
Du lịch và Giải trí	1.3%
Bảo hiểm	1.7%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

LDG_Hưng phấn

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD vẫn nằm dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: Cổ phiếu LDG đang nằm trong xu hướng hồi phục tích cực khi đã tăng giá từ đầu tháng 8 đến nay sau gần một năm giảm điểm. Trong phiên hôm nay, cổ phiếu này đã bứt phá khỏi vùng tích lũy ngắn hạn tại khu vực 10 – 10.5 với thanh khoản tăng mạnh cho thấy trạng thái hưng phấn của các nhà đầu tư đối với LDG. Các chỉ báo kỹ thuật thì lại đang không có được sự nhất quán về xu hướng. Theo đánh giá của chúng tôi, LDG có tiềm năng cao để quay về các mức đỉnh cũ trong trung hạn mà mục tiêu đầu tiên là tại ngưỡng giá 15.

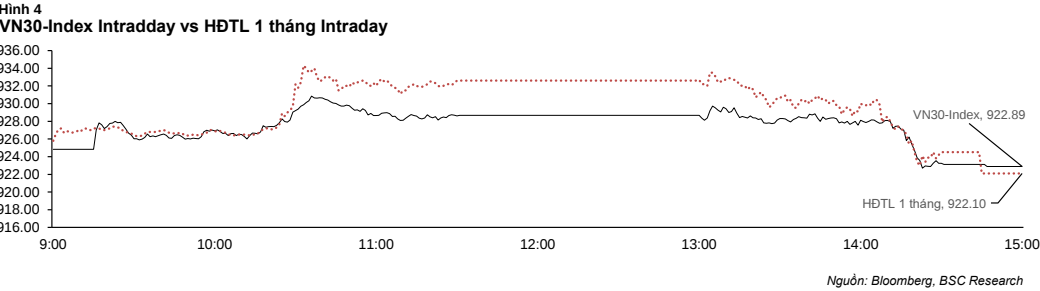


Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PC1_Hồi phục mạnh	Link
KDH_Bứt phá	Link
VNM_Tăng giá	Link
TCB_Tín hiệu tích cực	Link

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đảo hạn	Số ngày*
VN30F1910	922.10	-0.10%	-0.79	8.0%	94594	10/17/2019	19
VN30F1911	921.80	0.08%	-1.09	30.6%	282	11/21/2019	54
VN30F1912	921.00	0.17%	-1.89	7.9%	395	12/19/2019	82
VN30F2003	920.00	-0.10%	-2.89	-8.5%	548	3/19/2020	173

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

- Nhận định:**
- VN30 Index giảm 1.94 điểm xuống mức 922.89 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như MWG, FPT, MSN, HPG, và VCB tác động mạnh đến xu hướng giảm của VN30. VN30 giằng co quanh vùng 926-928 điểm vào đầu phiên sáng, điều chỉnh giảm sau khi tăng mạnh lên mốc 931 điểm. VN30 giằng co quanh vùng 928-929 điểm vào đầu phiên chiều, giảm mạnh vào cuối phiên xuống dưới mốc tham chiếu. Thanh khoản giữ ở mức tích cực. Về mặt kỹ thuật, các chỉ báo đều cho thấy dư địa tăng vẫn còn trong trung hạn, dự kiến kiểm tra mốc 930 điểm trong những phiên tới.
 - Các HDTL có sự phân hóa về giá. VN30F1910 và VN30F2003 giảm, trong khi VN30F1911 và VN30F1912 tăng. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F1911, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F1910 và VN30F1911 đều giảm, trong khi VN30F1912 và VN30F2003 đều tăng. Điều này báo hiệu kỳ vọng tăng trong dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 900 điểm cho các hợp đồng dài hạn và 910 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đảo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết
CMBB1902	HSC	12/17/2019	78	1:1	497,330	173.2%	1.0 triệu	18.85%	3,200	3,930	6.79%	1,529.80
CFPT1904	MBS	11/19/2019	50	3:1	165,900	-12.3%	2.0 triệu	19.69%	1,700	2,970	0.68%	2,112.70
CMWG1902	VND	12/11/2019	72	4:1	9,950	-72.9%	5.0 triệu	20.09%	2,990	10,340	0.10%	9,709.90
CVRE1901	KIS	11/14/2019	45	2:1	72,850	-71.2%	5.0 triệu	27.27%	1,900	900	0.00%	10.00
CDPM1901	KIS	1/9/2020	101	3:1	14,400	-	5.0 triệu	-	1,900	1,940	0.00%	-
CNVL1901	KIS	2/7/2020	130	3:1	17,060	-	2.5 triệu	-	1,900	2,990	0.00%	-
CSTB1901	KIS	1/9/2020	101	3:1	80,670	-	3.0 triệu	-	1,390	1,560	0.00%	-
CVHM1901	KIS	2/7/2020	130	3:1	14,770	-	1.5 triệu	-	3,100	4,180	0.00%	-
CFPT1903	SSI	12/30/2019	91	1:1	58,750	-44.1%	1.0 triệu	19.69%	6,000	14,900	-1.59%	13,302.50
CMWG1903	HSC	12/30/2019	91	5:1	127,350	-37.5%	1.8 triệu	20.09%	2,700	7,160	-2.72%	6,814.40
CMWG1904	SSI	12/30/2019	91	1:1	26,270	-81.7%	2.0 triệu	20.09%	14,000	41,000	-3.53%	39,059.90
CVMN1901	KIS	12/13/2019	74	10:1	619,850	-46.6%	1.5 triệu	18.85%	1,200	790	-3.66%	4.70
CMSN1901	KIS	11/14/2019	45	5:1	106,440	-2.9%	2.0 triệu	22.75%	1,920	1,330	-4.32%	45.20
CVIC1901	KIS	11/14/2019	45	5:1	55,700	-76.4%	5.0 triệu	20.78%	1,960	1,370	-4.86%	10.90
CREE1901	MBS	11/19/2019	50	3:1	186,830	2.5%	3.0 triệu	22.61%	1,260	1,700	-6.59%	575.20
CHPG1905	SSI	12/30/2019	91	1:1	181,020	56.3%	1.0 triệu	28.61%	3,300	2,520	-7.01%	883.50
CHPG1906	KIS	11/14/2019	45	2:1	5,210	-83.1%	2.0 triệu	28.61%	1,500	540	-8.47%	3.40
CHPG1902	KIS	12/11/2019	72	5:1	744,090	25.8%	1.0 triệu	28.61%	1,000	190	-17.39%	-

Chú thích: *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đảo hạn

- Nhận định:**
- Trong phiên giao dịch ngày 30/09/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm.
 - Về giá, CHPG1902 và CHPG1906 giảm mạnh nhất lần lượt là 17.39% và 8.47%. Thanh khoản thị trường giảm 22.05%. CHPG1902 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 25% thị trường.
 - Các chứng quyền duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. CMWG1904, CFPT1902, và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CFPT1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. REE đang giảm sau khi không vượt qua được mốc 40. Thanh khoản giữ ở mức tích cực, trong khi chỉ báo động lượng cho thấy tín hiệu giảm trong ngắn hạn. Điều chỉnh giảm của REE có thể tạo áp lực giảm lên giá chứng quyền của cổ phiếu này. □

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HDB	27.70	3.94	1.00
TCB	23.35	0.65	0.48
VJC	137.70	0.81	0.42
NVL	63.80	1.27	0.42
MBB	22.80	0.44	0.19

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MWG	126.1	-1.48	-0.76
FPT	57.7	-1.37	-0.61
MSN	78.5	-1.13	-0.59
HPG	22.0	-0.90	-0.46
VCB	82.1	-0.97	-0.33

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hoa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMBB1902	26,300	21,800	22,800
CFPT1904	57,100	52,000	57,700
CMWG1902	48,130	90,000	126,100
CVRE1901	44,688	40,888	33,100
CDPM1901	19,688	13,988	13,350
CNVL1901	67,788	62,088	63,800
CSTB1901	15,058	10,888	10,550
CVHM1901	99,188	89,888	89,300
CFPT1903	56,154	45,140	57,700
CMWG1903	25,800	95,000	126,100
CMWG1904	165,000	90,000	126,100
CVMN1901	46,340	156,285	129,700
CMSN1901	98,488	88,888	78,500
CVIC1901	150,688	140,888	119,800
CREE1901	41,330	37,550	38,150
CHPG1905	93,300	23,100	21,950
CHPG1906	31,088	28,088	21,950
CHPG1902	166,285	41,999	21,950

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	126.1	-1.5%	0.7	2,427	3.8	7,893	16.0	5.4	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	80.4	-0.9%	1.0	778	1.5	4,727	17.0	4.4	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	74.8	2.0%	1.3	2,279	1.8	1,505	49.7	3.4	25.3%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	33.5	0.3%	0.7	337	0.1	3,061	10.9	1.2	52.5%	10.7%
VIC	Bất động sản	119.8	0.0%	1.1	17,428	1.6	1,643	72.9	4.9	15.2%	8.3%
VRE	Bất động sản	33.1	-0.5%	1.1	3,351	3.1	1,033	32.1	2.7	31.9%	8.8%
NVL	Bất động sản	63.8	1.3%	0.8	2,581	0.8	3,579	17.8	2.9	7.4%	17.8%
REE	Bất động sản	38.2	-2.2%	1.0	514	2.5	5,261	7.3	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	17.5	1.7%	1.4	401	2.8	3,744	4.7	1.1	46.7%	27.0%
SSI	Chứng khoán	23.0	-0.9%	1.3	508	2.9	1,997	11.5	1.2	56.8%	10.9%
VCI	Chứng khoán	34.3	-2.1%	1.0	245	0.0	5,067	6.8	1.5	38.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	24.3	-0.6%	1.4	323	1.3	1,434	16.9	1.8	56.3%	11.1%
FPT	Công nghệ	57.7	-1.4%	0.8	1,702	5.6	4,349	13.3	2.9	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	45.0	0.0%	0.4	487	0.0	4,156	10.8	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	106.3	1.2%	1.5	8,846	2.9	6,066	17.5	4.6	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	60.5	0.0%	1.5	3,132	0.9	3,350	18.1	3.6	13.3%	20.1%
PVS	Dầu khí	19.5	-0.5%	1.7	405	1.2	2,397	8.1	0.7	23.0%	10.0%
BSR	Dầu khí	9.6	3.2%	0.8	1,294	1.9	1,163	8.3	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	93.8	0.3%	0.5	533	0.0	4,616	20.3	4.0	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.4	-1.5%	0.7	227	0.3	853	15.7	0.7	19.2%	5.0%
DCM	Hóa chất	7.5	-0.9%	0.6	172	0.2	897	8.3	0.6	2.4%	7.3%
VCB	Ngân hàng	82.1	-1.0%	1.3	13,239	2.8	4,729	17.4	4.0	23.8%	25.6%
BID	Ngân hàng	39.4	-2.1%	1.5	5,856	2.5	2,091	18.8	2.5	3.3%	13.7%
CTG	Ngân hàng	21.2	0.0%	1.6	3,424	3.3	1,470	14.4	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	22.1	-0.5%	1.2	2,355	2.5	2,989	7.4	1.4	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	22.8	0.4%	1.1	2,263	6.4	3,215	7.1	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	23.4	0.9%	1.1	1,650	2.3	4,469	5.2	1.2	44.3%	26.4%
BMP	Nhựa	51.2	1.2%	0.9	182	0.3	5,017	10.2	1.7	77.8%	17.1%
NTP	Nhựa	38.8	1.0%	0.3	151	0.0	4,490	8.6	1.5	21.1%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.8	-0.6%	1.2	657	0.0	732	23.0	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.0	-0.9%	1.0	2,635	3.3	2,760	8.0	1.4	38.0%	19.9%
HSG	Thép	6.7	2.4%	1.5	123	1.1	425	15.8	0.5	17.6%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	129.7	-0.3%	0.8	9,820	5.0	5,465	23.7	8.0	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	263.6	-1.1%	0.8	7,350	0.1	6,735	39.1	9.6	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	78.5	-1.1%	1.2	3,990	1.9	3,304	23.8	2.9	40.3%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	17.9	-0.6%	0.5	408	0.8	542	32.9	1.6	6.0%	4.9%
ACV	Vận tải	77.0	-0.3%	0.8	7,288	0.1	2,630	29.3	5.5	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	137.7	0.8%	1.1	3,136	2.9	9,850	14.0	5.3	19.9%	43.3%
HVN	Vận tải	33.6	2.4%	1.7	2,072	0.7	1,747	19.2	2.6	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	27.4	-1.1%	0.8	354	1.0	1,888	14.5	1.3	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	17.4	0.3%	0.6	212	0.4	2,435	7.1	1.2	30.7%	17.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	102.7	-2.7%	0.9	700	2.1	7,667	13.4	5.2	2.2%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.3	0.0%	0.8	376	0.3	1,327	14.5	1.3	13.5%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.1	-0.3%	0.8	250	0.1	1,657	9.1	1.1	6.3%	11.7%
CTD	Xây dựng	95.0	-0.4%	0.7	315	0.1	13,535	7.0	0.9	48.9%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.4	0.0%	1.1	507	0.4	1,352	19.5	1.8	0.0%	9.9%
CII	Xây dựng	22.0	2.8%	0.5	237	0.9	387	56.9	1.1	51.5%	1.9%
POW	Điện	12.9	1.6%	0.6	1,313	1.5	820	15.7	1.2	14.6%	7.8%
NT2	Điện	24.0	0.0%	0.6	300	0.5	2,241	10.7	1.7	19.9%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	106.30	1.24	0.73	632370.00
HVN	33.60	2.44	0.34	464990.00
BVH	74.80	2.05	0.31	538970.00
HDB	27.70	3.94	0.30	3.49MLN
NVL	63.80	1.27	0.22	297110.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.40	0.86	0.33	2.30MLN
HHC	111.40	9.97	0.10	200.00
MBG	31.50	8.25	0.05	29700.00
DNP	15.50	4.03	0.04	28300.00
SHN	9.20	3.37	0.04	90000.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	82.10	-0.97	-0.88	775770.00
BID	39.40	-2.11	-0.86	1.43MLN
SAB	263.60	-1.09	-0.55	8130.00
MSN	78.50	-1.13	-0.31	562880.00
MWG	126.10	-1.48	-0.25	678780.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCS	102.70	-2.75	-0.10	470200.00
PGS	31.00	-5.49	-0.06	4200.00
NVB	8.40	-1.18	-0.04	967600.00
L14	56.60	-4.71	-0.04	65100.00
PVS	19.50	-0.51	-0.03	1.44MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CMV	10.70	7.00	0.00	10.00
TIX	30.60	6.99	0.02	30.00
SGT	7.21	6.97	0.01	75080.00
FDC	16.90	6.96	0.01	46770.00
VIS	24.60	6.96	0.04	1130.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPS	0.50	25.0	0.00	391200.00
NHP	0.60	20.0	0.00	300.00
HKB	0.90	12.5	0.01	341400.00
HHC	111.40	10.0	0.10	200.00
EBS	9.00	9.8	0.00	1400.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHI	8.37	-7.00	-0.02	140940.00
DIC	2.00	-6.98	0.00	829360.00
TGG	2.29	-6.91	0.00	2.88MLN
LM8	21.00	-6.87	0.00	10.00
CIG	1.65	-6.78	0.00	54550.00

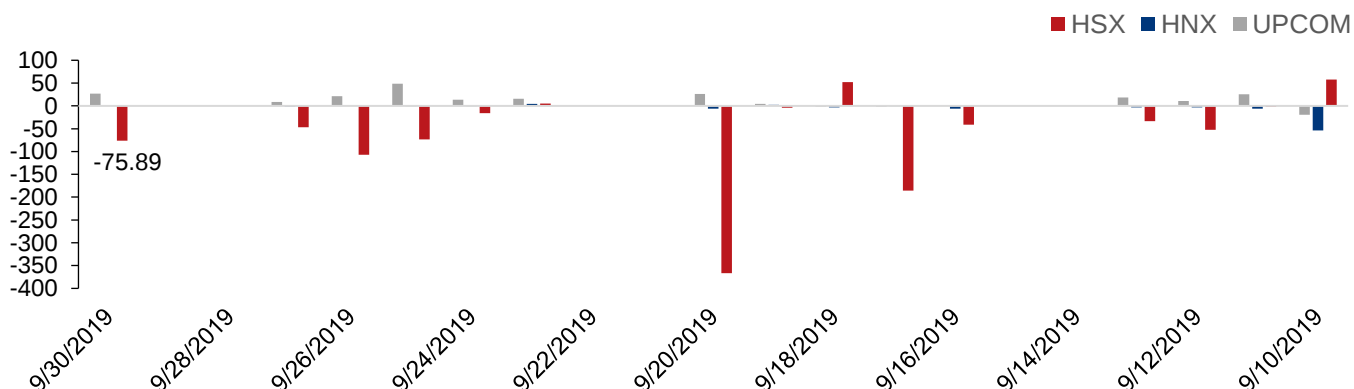
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAF	50.20	-9.87	-0.01	400.00
API	11.00	-9.84	-0.02	2600.00
VDL	22.30	-9.72	-0.01	100.00
SDG	34.20	-9.52	-0.01	100.00
TFC	5.00	-9.09	0.00	6300.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
2	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
5	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
8	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
9	2019M2_Biến động giảng co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
10	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
13	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
15	VM_M11_Giao dịch giảng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	129.7	5,465	23.7	8.0	Click
2	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	22.4	2,680	8.4	1.6	Click
3	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	38.2	5,261	7.3	1.2	Click
4	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	81.4	18,865	4.3	1.7	Click
5	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	9.8	2,076	4.7	0.7	Click
6	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	23.4	4,469	5.2	1.2	Click
7	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	14.5	1,098	13.2	1.2	Click
8	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	82.1	4,729	17.4	4.0	Click
9	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	23.4	1,295	18.1	1.8	Click
10	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	22.8	3,215	7.1	1.4	Click
11	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	57.4	2,801	20.5	3.4	Click
12	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	27.4	1,888	14.5	1.3	Click
13	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	28.0	3,705	7.6	2.0	Click
14	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	57.7	4,349	13.3	2.9	Click
15	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	13.7	649	21.1	1.2	Click
16	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	126.1	7,893	16.0	5.4	Click
17	PNJ	Bán lẻ	Mua	9/8/2019	84.8	97.2	80.4	4,727	17.0	4.4	Click
18	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	54.9	5,276	10.4	3.0	Click
19	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	27.5	4,234	6.5	0.9	Click
20	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	23.4	4,469	5.2	1.2	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TPB 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 22724; Giá tại Publish 21250 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu TPB với giá mục tiêu 22,548 VND/cp với phương pháp P/B = 1.5x sv trung bình ngành hiện tại 1.3x với luận điểm (1) khả năng sinh lời và chất lượng tài sản ở mức trung bình so với ngành ngân hàng hiện tại, (2) định giá tương đương với trung bình toàn ngành, (3) tăng trưởng cho vay mua ô tô ấn tượng sẽ giúp TPB tăng trưởng trong năm nay. Chúng tôi nâng dự báo TPB trong năm 2019 lên mức TOI và PBT lần lượt đạt mức 6,884 tỷ VND (+22.3% yoy) và 2,959 tỷ VND (+31% yoy) với thay đổi ở giá định (1) tăng trưởng tín dụng ở mức 17% trong năm 2019, (2) NIM được cải thiện lên mức 4.31%, (3) CIR = 45%. EPS 2019 = 2,750 VND/cp, BVPS = 15,150 VND/cp.
PAC 2019Q3	21/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 28500; Giá tại Publish 30100 BSC dự báo năm 2019 DTT và LNTT của PAC lần lượt đạt 3,063 tỷ (+3.3% YoY) và 215 tỷ (+10.1% YoY), tương ứng với EPS 2019 đạt 3,701 VND/cp. KQKD 1H.2019 ghi nhận tốc độ tăng trưởng ấn tượng nhờ giá kềm chế giới giảm mạnh khiến chi phí đầu vào giảm. PAC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt là 1,586 tỷ (+2.6% yoy) và 101 tỷ (+38 % yoy). Biên lợi nhuận gộp tăng lên mức 15.2% so với cùng kỳ là 12.7%. Ác quy cho ô tô vẫn chiếm tỷ trọng chính, chiếm 85% tổng doanh thu. Pin chiếm 10% doanh thu, còn lại là các sản phẩm khác. Sản phẩm ác quy chủ yếu vẫn phục vụ cho ô tô tại thị trường nội địa.
MBB 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 138500; Giá tại Publish 120600 Chúng tôi điều chỉnh dự báo TOI và PBT của MBB trong năm 2019 lên -1.4%/+3.5% với việc thay đổi quan điểm về tăng trưởng tín dụng (từ 14% lên 17% với ngân hàng mẹ, 37% với M Credit), tỷ lệ CASA giảm về mức 34.3%. CIR được giữ ở mức 45%. Khả năng sinh lời được giữ ở mức cao so với toàn ngành. (1) Thu nhập lãi thuần đạt mức 4,395 tỷ VND (+25.4% yoy), (2) Thu nhập ngoài lãi tăng trưởng mạnh mẽ từ thu phí dịch vụ (+59% yoy). Chất lượng tài sản ở mức tốt, tuy nhiên việc nới lỏng cho vay của M Credit có thể ảnh hưởng đến kết quả chung của MBB. NPL ngân hàng hợp nhất = 1.18%, trong đó NH mẹ = 1.08%, M Credit = 11%. Tỷ lệ bao nợ xấu (LLCR) = 97.6%, cao hơn so với trung bình ngành giúp đảm bảo hoạt động của ngân hàng. □
DBD 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 47400 Năm 2019, DBD kỳ vọng doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 1,500 tỷ (+1.8% YoY) và 200 tỷ (-0.4% YoY), tương ứng với EPS 2019 là 3,055 VND/cp. Động lực tăng trưởng sẽ đến từ các dự án xây dựng nhà máy mới. Trong giai đoạn 2019 – 2027, công ty có kế hoạch đầu tư xây dựng 3 dự án nhà máy mới, nâng tổng số nhà máy sản xuất được lên 4 nhà máy. Hiện tại, dự án NM DX DP Bidiphar CNC đã hoàn thiện phần xây dựng cơ bản. Công ty sẽ tiến hành lắp đặt máy móc để có thể tiến hành nghiệm thu trong Q4.2019 như kế hoạch đề ra. DBD dự kiến công suất năm đầu tiên của NM đạt 500,000 l/năm (~ 100 tỷ DT) và nâng lên 1,800,000 l/năm (~300 tỷ năm) trong năm thứ 5.
VCB 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu N/A; Giá tại Publish 81900 Chúng tôi điều chỉnh dự báo của VCB lần lượt TOI và PBT trong năm 2019 +0.6%/+8.8% với việc thay đổi giả định về CIR = 36% (sv 41% với dự báo trước). Trong 1H2019, VCB đã ghi nhận TOI = 17,078 tỷ VND (+31.4% yoy), PBT = 11,303 tỷ VND (+41% yoy). Thu nhập lãi thuần trong 1H2019 +31.4% yoy nhờ việc cơ cấu các khoản cho vay: (1) Tăng trưởng tín dụng +9.7% ytd, (2) NIM = 3.27%. Thu nhập ngoài lãi -3.1% yoy, kỳ vọng từ mảng bảo hiểm được ký kết độc quyền. Chất lượng tài sản được đánh giá cao. NPL = 1.01%, là ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất ngành nếu xét về quy mô lớn. Tỷ lệ bao nợ xấu (LLCR) = 178%, cao nhất trong hệ thống ngân hàng. LDR và tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn ở mức thấp giúp đảm bảo thanh khoản.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn